

Số: 15 KH/TLMĐ

Móng Cái, ngày 20 tháng 02 năm 2019

(Hoàn chỉnh theo Báo cáo giải trình số
40/BC-KHTV ngày 25/3/2019"

KẾ HOẠCH

SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2019

(PHỤ LỤC IV)

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2018

1. Tình hình thực hiện SXKD dịch vụ quản lý vận hành, khai thác hệ thống công trình thủy lợi tưới tiêu và cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	% thực hiện so KH	% so năm 2017
I	SẢN PHẨM SẢN XUẤT					
1	Diện tích tưới tiêu	ha	10.926,26	11.244,15	102,91	102,91
2	Cung cấp nước thô	1000 m ³	2.400	2.676,35	111,5	112,5
II	DOANH THU		15,44	16,174	104,75	108,5
1	Doanh thu công ích	Tỷ đồng	10,82	9,005	83,2	103,2
2	Doanh thu trợ cấp, trợ giá	Tỷ đồng	4,62	6,36	137,7	118,0
3	Doanh thu ngoài công ích	Tỷ đồng		0,809		110,8
III	CHI PHÍ		15,44	16,159	104,7	108,6
1	Chi phí công ích	Tỷ đồng	15,44	15,36	99,5	108,39
2	Chi phí ngoài công ích	Tỷ đồng		0,799		112,5
IV	LỢI NHUẬN			0,01		50,0
1	Hoạt động công ích	Tỷ đồng				
2	Hoạt động ngoài công ích	Tỷ đồng		0,01		50,0
V	NỢP NGÂN SÁCH	Tỷ đồng	0,16	0,365	228,1	206,2

VI	VỐN ĐẦU TƯ XDCB	Tỷ đồng	13,536	2,412	17,8	
VII	KIM NGẠCH XK	Tỷ đồng	Không	0		

2. Tình hình thực hiện SXKD dịch vụ cung cấp nước sạch nông thôn (Trạm cấp nước Hải Lạng).

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	% so KH
I	SẢN PHẨM SẢN XUẤT				
1	Sản lượng nước cấp	m ³	25.000	34.561	138,24
II	DOANH THU		2.795,12	694,74	24,86
1	Doanh thu thực tế	Triệu đồng	137,5	212,39	154,5
2	Doanh thu trợ cấp, trợ giá	Triệu đồng	2.657,62	482,35	18,15
III	TỔNG CHI PHÍ	Triệu đồng	2.687,62	694,74	25,85
1	Chi phí vật tư trực tiếp	Triệu đồng	89,39	125,26	140,12
2	Chi phí nhân công trực tiếp	Triệu đồng	374,88	372,77	99,44
3	Chi phí sản xuất chung	Triệu đồng	1.686,26	21,87	1,29
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Triệu đồng	398,99	174,84	43,82
5	Chi phí bán hàng	Triệu đồng	138,10	-	-
IV	LỢI NHUẬN	Triệu đồng	107,5	27,79	25,85
V	NỢP NGÂN SÁCH	Triệu đồng	8,26	2,12	25,67
VI	KIM NGẠCH XK	Triệu đồng	không	-	-

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN 2019

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019

1.1. Kế hoạch SXKD dịch vụ quản lý vận hành, khai thác hệ thống công trình thủy lợi tưới tiêu và cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
I	SẢN PHẨM SẢN XUẤT			
1	Diện tích tưới	ha	11.244,15	

2	Cung cấp nước thô	1000 m ³	2.676,356	
II	DOANH THU		19,939	
1	Doanh thu công ích	Tỷ đồng	9,102	
2	Doanh thu trợ cấp, trợ giá	Tỷ đồng	10,837	
III	CHI PHÍ		19,939	
1	Chi phí công ích	Tỷ đồng	19,939	
2	Chi phí ngoài công ích	Tỷ đồng	-	
IV	LỢI NHUẬN		-	
1	Hoạt động công ích	Tỷ đồng	-	
2	Hoạt động ngoài công ích	Tỷ đồng	-	
V	NỘP NGÂN SÁCH	Tỷ đồng	0,16	
VI	KIM NGẠCH XK	Tỷ đồng	0	

1.2. Kế hoạch SXKD dịch vụ cung cấp nước sạch nông thôn (Trạm cấp nước Hải Lạng).

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
I	SẢN PHẨM SẢN XUẤT			
1	Sản lượng nước cấp	m ³	34.560	
II	DOANH THU		1.132,46	
1	Doanh thu thực tế	Triệu đồng	190,08	
2	Doanh thu trợ cấp, trợ giá	Triệu đồng	942,38	
III	TỔNG CHI PHÍ	Triệu đồng	1.132,46	
1	Chi phí vật tư trực tiếp	Triệu đồng	173,00	
2	Chi phí nhân công trực tiếp	Triệu đồng	407,76	
3	Chi phí sản xuất chung	Triệu đồng	333,23	
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Triệu đồng	178,57	
5	Chi phí bán hàng	Triệu đồng	39,90	
IV	LỢI NHUẬN	Triệu đồng	44,76	

V	NỘP NGÂN SÁCH	Triệu đồng	11,405	
VI	KIM NGẠCH XK	Triệu đồng	-	

2. Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2019:

- Kế hoạch đầu tư các dự án năm: 104.665 triệu đồng.
- Kết quả đầu tư cả năm (dự kiến): 104.665 triệu đồng.

Trong đó:

+ Dự án Sửa chữa, kiên cố hóa hệ thống kênh tưới xã Đông Ngũ, Đông Hải huyện Tiên Yên đã có quyết định phê duyệt dự án với tổng mức đầu tư là 11.200 triệu đồng (Quyết định số 4045/QĐ-UBND ngày 27/10/2017).

+ Dự án sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Dân Tiến và Sửa chữa, kiên cố hóa một số đoạn thuộc kênh Tràng Vinh đã được UBND Tỉnh đồng ý cho lập đề xuất chủ trương Đầu tư để trình thẩm định, phê duyệt với khái toán tổng mức đầu tư 02 dự án khoảng 41.530 triệu đồng (Văn bản số 9202/UBND-XD4 ngày 06/12/2018 và văn bản số 9500/UBND-XD4 ngày 19/12/2018).

+ Dự án, công trình đề nghị Quỹ hỗ trợ sắp xếp Doanh nghiệp trung ương cấp đã được UBND Tỉnh Quyết định phê duyệt điều chỉnh vốn Điều lệ là 51.935 triệu đồng (Quyết định số 344/QĐ-UBND ngày 25/01/2019 và Văn bản số 585/UBND-TM5 ngày 25/01/2019).

III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp về tài chính

Thứ nhất, Xây dựng và thực hiện khoán lao động, tiền lương, chi phí nội bộ, nhằm thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch và chỉ tiêu đặt hàng năm 2019.

Thứ hai, Tổ chức lập, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, áp dụng các định mức kinh tế - kỹ thuật phục vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi; tổ chức xây dựng và thực hiện kế hoạch cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi; ký kết, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng cung cấp, sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi; xây dựng mô hình tổ chức hợp lý để quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi và các nguồn lực được giao; lập, lưu trữ hồ sơ về quản lý tài sản, tài chính.

Thứ ba, Tích cực mở rộng đối tượng khách hàng sử dụng nước nhằm tăng doanh thu, giảm kinh phí trợ cấp, trợ giá do ngân sách nhà nước cấp, khai thác triệt để các nguồn thu từ dịch vụ cấp nước theo đúng quy định của Pháp luật.

2. Giải pháp về sản xuất

Thứ nhất, Đối với công tác quản lý nước: Thu thập thông tin dự báo khí tượng thủy văn; đo đạc, quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng trên lưu vực; quan trắc, dự báo, cảnh báo lũ, ngập lụt, úng, hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, số lượng, chất lượng nước; kiểm kê nguồn nước trong hệ thống công trình thủy

lợi, phân tích nhu cầu sử dụng nước; lập và tổ chức thực hiện kế hoạch tích trữ, điều hòa, chuyên, phân phối, cấp, tưới, tiêu, thoát nước, sử dụng nước; kiểm soát chất lượng nước, xâm nhập mặn; thực hiện phương án ứng phó thiên tai; bảo vệ môi trường, chất lượng nước trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, kiểm tra, kiểm soát việc xả chất thải, nước thải vào công trình thủy lợi; lập, lưu hồ sơ kỹ thuật về quản lý, phân phối nước trong hệ thống công trình thủy lợi.

Thứ hai, Đối với công tác quản lý công trình: Đo đạc, quan trắc, giám sát, kiểm tra, kiểm định, đánh giá an toàn công trình thủy lợi; quản lý, tổ chức thực hiện bảo trì, đầu tư nâng cấp, xây dựng mới, hiện đại hóa, xử lý khắc phục sự cố công trình, máy móc, thiết bị; cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án bảo vệ công trình thủy lợi và lập, lưu trữ hồ sơ kỹ thuật về quản lý công trình thủy lợi.

Thứ ba, Đối với công tác quản lý lao động: Hàng tháng chỉ đạo các xí nghiệp, trạm thủy nông xây dựng kế hoạch công việc, ngày công để tổ chức thực hiện, cuối tháng giao phòng QLN và CT tổ chức kiểm tra, nghiệm thu đảm bảo khối lượng, chất lượng theo cơ chế đặt hàng;

Thứ tư, Trong công tác quản lý diện tích: Tiếp tục chỉ đạo các Xí nghiệp, Trạm thủy nông rà soát bản đồ tưới, sổ bộ và thực hiện hợp đồng, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng đảm bảo tiến độ theo đúng quy định.

Thứ năm, Trong công tác phòng chống lụt bão thực hiện kiện toàn Ban chỉ huy PCTT&TKCN, PCCC; xây dựng phương án PCTT&TKCN, PCCC theo 4 tình huống khẩn cấp; thực hiện rà soát và chuẩn bị tốt vật tư, thiết bị phòng chống; trước khi có mưa lớn, bão lũ tổ chức chỉ đạo xả nước đệm để tăng dung tích phòng lũ cho các hồ chứa; khi có mưa lớn, bão và áp thấp xảy ra, tổ chức thường trực theo phương châm 4 tại chỗ đảm bảo an toàn về người và tài sản được giao.

3. Giải pháp về nguồn nhân lực

Thứ nhất, Thực hiện điều chỉnh bổ sung quy hoạch các chức danh cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý các phòng ban, xí nghiệp và Trạm thủy nông giai đoạn 2015-2020 theo đúng hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương;

Thứ hai, Bố trí, sử dụng, luân chuyển cán bộ quản lý phù hợp với chức trách nhiệm vụ được giao, phù hợp với khả năng vị trí việc làm;

Thứ ba, Tiếp tục cử cán bộ đi đào tạo các lớp Trung cấp chính trị - Hành chính và hàm thụ Đại học thủy lợi hệ vừa làm vừa học, các lớp nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ nhằm chuẩn hóa dần đội ngũ cán bộ trong đơn vị.

Thứ tư, Tổ chức quản lý chặt chẽ lao động hiện có để thực hiện rà soát công tác khoán lao động và quỹ tiền lương theo tính chất phức tạp của từng công trình, mức độ tiêu hao sức lao động, mức độ quản lý, duy tu bảo dưỡng công trình, máy móc thiết bị, diện tích và địa bàn phục vụ để định mức công, xác định cấp bậc

công việc để khoán trả lương theo khối lượng, chất lượng công việc nhằm gắn chặt giữa quyền lợi đi đôi với trách nhiệm, tạo động lực, tính năng động sáng tạo của mỗi công nhân viên.

4. Giải pháp về công nghệ - kỹ thuật

Cần phải ứng dụng công nghệ tiên tiến, áp dụng sáng kiến, cải tiến kỹ thuật vào công tác quản lý để kéo dài tuổi thọ và nâng cao hiệu quả khai thác hệ thống công trình thủy lợi và hệ thống cấp nước sạch nông thôn.

5. Giải pháp về quản lý và điều hành

Giao quyền chủ động cho các Xí nghiệp, trạm thủy nông kết hợp với giao ban định kỳ để hướng dẫn, kiểm tra và nắm bắt tình hình cụ thể cũng như tháo gỡ kịp thời những khó khăn, phát sinh từ cơ sở.

Trên đây là bản kế hoạch sản xuất kinh doanh và Đầu tư phát triển năm 2019, Công ty xin được tập hợp báo cáo Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét trình UBND Tỉnh phê duyệt làm cơ sở để Công ty triển khai thực hiện và công bố thông tin doanh nghiệp theo quy định./ Kh

Nơi nhận:

- Sở KH và Đầu tư (trình duyệt);
- UBND Tỉnh (B/c);
- Bộ KH và Đầu tư (B/c);
- Lưu: VT, KH-TV.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Anh Tuấn